UBND XÃ NÂM NUNG
TRƯỜNG TH KIM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-THKĐ

Nâm Nung, ngày 07 tháng 09 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 - 2027

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 03 năm 2026, ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường trung cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH, ngày 7/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định khung năng lực số cho người học;

Căn cứ Công văn 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Hướng dẫn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, ban hành Kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Hướng dẫn số 4639/SGDĐT-GDTH ngày 5 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2026-2027.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Nâm Nung dọc theo Quốc lộ 28, có 18 dân tộc anh em chung sống gồm dân tộc Kinh, M'Nông, Ê đê, Dao, Thái, Hoa, Khơ–me, Mường, Tày, Nùng, sán chỉ... với dân số gần 20.000 nhân khẩu, nhà trường thực hiện công tác giáo dục trên địa bàn thôn Quảng Hà, bon Đăk Prí, thôn Nam Ninh và 1 phần Bon Yốc Ju. Đời sống nhân dân chủ chủ yếu làm nông nghiệp, kinh tế hộ gia đình đối với người dân tộc tại chỗ còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục của nhà trường.

Nhận thức của một số hộ gia đình chưa quan tâm đến việc giáo dục của con em mình, thường xuyên khoán trắng cho nhà trường và các giáo viên.

2.Thuận lợi:

Các cấp quản lý giáo dục đang tạo ra những điều kiện mới, khuyến khích thúc đẩy nhà trường sáng tạo, đổi mới không ngừng, cách làm mới.

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể chăm lo và "Coi giáo dục là Quốc sách hàng đầu".

Xã hội, chính quyền, nhân dân, PHHS đặt ra kỳ vọng cao trong đổi mới về GD&ĐT. Chính quyền và nhân dân đang có tiềm lực cao, ưu tiên đầu tư mạnh các nguồn lực cho giáo dục.

Công tác xã hội hoá giáo dục được chú trọng hơn, đội ngũ CB,GV,NV tự giác, nhiệt tình, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm và sự đoàn kết thống nhất cao trong công việc.

Học sinh được hưởng các chế độ chính sách xã khu vức III, đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Chính Phủ, Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Ban giám hiệu nhiệt tình gương mẫu, có năng lực trong công tác quản lý, cả 3 đồng chí đã qua lớp bồi dưỡng công tác quản lý giáo dục.

Nội bộ nhà trường luôn luôn đoàn kết hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao.

Chất lượng giáo dục đại trà của đơn vị được duy trì.

CSVC và trang thiết bị: Phòng học đáp ứng 1 phòng/lớp, đáp ứng tốt trong công tác dạy và học 2 buổi/ngày.

Trang thiết bị dạy học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 được cấp trên quan tâm và mua sắm kịp thời, đáp ứng mỗi phòng học 1 tivi thông minh và kết nối Internet.

3. Khó khăn

Đời sống của một số hộ dân còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí chưa được cải thiện.

Học sinh trên địa bàn đa số là dân tộc thiểu số 826/1173 em, chiếm tỷ lệ 70,41%.

Tỷ lệ giáo viên còn thiếu so với quy định (59/40 lớp, đạt tỷ lệ 1,47 giáo viên/lớp), thiếu 01 giáo viên).

CSVC: Bàn ghế học sinh ngồi học đã han rỉ và hư hỏng rất nhiều ở điểm trường 1, phân hiệu, điểm trường 2 có nguy cơ gây mất an toàn trong công tác dạy và học.

1.3. Thời cơ

Năm học 2026-2027, là năm học diễn ra trong bối cảnh đất nước có nhiều sự đổi mới, tổ chức sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, là năm thứ 2 thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, mở ra nhiều triển vọng mới cho sự phát triển về kinh tế-xã hội nói chung và giáo dục nói riêng.

Năm học 2026-2027, là năm học thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh; sự quan tâm, ủng hộ, chia sẻ của phụ huynh đối với sự nghiệp giáo dục chung trên địa bàn cũng như những chương trình, kế hoạch của nhà trường.

Yêu cầu ngày càng cao về đổi mới trong giáo dục và đào tạo đang tạo nên động lực rất lớn thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. Nhất là trong giai đoạn hiện nay với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, tạo ra phương tiện, công cụ hỗ trợ giáo dục rất mới mẻ, đặc biệt như công nghệ trí tuệ nhân tạo AI.

1.4. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội để nhà trường triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2026-2027, nhà trường vẫn còn những khó khăn, thách thức như sau:

- Điều kiện kinh tế, xã hội phát triển, trình độ dân trí ngày càng cao, các chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo ngày càng được quan tâm. Đồng nghĩa với việc yêu cầu về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng dạy học ngày càng cao. Đòi hỏi giáo viên phải luôn luôn nỗ lực, nâng cao trình độ, thường xuyên đổi mới, sáng tạo trong dạy học.

- Sự bùng nổ thông tin trong thời đại công nghệ số, bên cạnh sự thuận lợi trong tiếp cận thông tin cũng tạo ra những áp lực không nhỏ đối với mỗi CBQL, GV, NV. Yêu cầu chúng ta phải có năng lực thực sự để làm chủ công nghệ và ứng dụng hiệu quả các thành tựu của khoa học, công nghệ vào hoạt động quản lý và dạy học. Đồng thời cũng đặt ra yêu cầu mỗi CBQL, GV, NV phải không ngừng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2026 – 2027

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2026 – 2027 trường có tổng số học sinh 1.173 em, được biên chế thành 40 lớp; bình quân 29,32 học sinh/lớp;

Khối lớp	Số lớp	TSHS	Nữ	DT	Học sinh KT	Ghi chú
Khối 1	8	239	110	178		
Khối 2	8	232	106	76		

Khối 3	9	248	125	176		
Khối 4	8	231	129	156	1	
Khối 5	7	232	123	153		
Tổng cộng	**40**	**1.173**	**593**	**826**	**1**	

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí

Tổng số CB, GV, NV: 67 đồng chí.

Trong đó

CBQL: 3 đồng chí

Giáo viên: 59 đồng chí (trong đó giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP: 04 đ/c)

Giáo viên làm tổng phụ trách đội: 1 đồng chí

Nhân viên: 4 đồng chí

Trình độ chuyên môn đạt chuẩn CBQL và GV: 63/63 đồng chí có trình độ Đại học đạt lệ 100 %.

Số lượng đảng viên: 31/67 đồng chí, đạt tỷ lệ 46,26%

TT	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc TS	Trình độ đào tạo			Lý luận chính trị			Đảng viên
					TC	CĐ	ĐH	SC	TC	CC	
1	**CBQL**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**3**	**0**	**3**
2	**Giáo viên**	**60**	**44**							**0**	**26**
	Môn chung	45	36	2			45		1		23
	GD TC	3	0	0			3				1
	Âm nhạc	2	1				2				
	Mĩ thuật	2	1				2				
	Anh văn	4	4	1			2				1
	Tin học	3	2				2				1
	GV TPTĐ	1					1				
3	**Nhân viên**	**4**	**3**		**1**		**3**				**2**
Tổng		**67**	**47**	**3**	**1**		**66**		**4**		**31**

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

Cơ sở vật chất: Tổng số phòng học hiện có 51 phòng (phòng học kiên cố 36 phòng, bán kiên cố 15). Trong đó bố trí phòng học văn hóa 40 phòng học (đủ 1 phòng/1 lớp), 2 phòng thư viện, 2 phòng thiết bị, 4 phòng tin học, 1 phòng chờ cho giáo viên ở điểm trường 1; 01 phòng bố trí phòng họp ở điểm trường 1.

2 nhà hiệu bộ (trường chính và phân hiệu) gồm 10 phòng làm việc của các bộ phận hành chính và 2 phòng họp bảo đảm đủ cho CBQL và GV, NV họp, 1 nhà đa chức năng, 5 nhà để xe cho giáo viên và học sinh, 1 phòng bảo vệ, 1 bể bơi.

Sân chơi, bãi tập được xây dựng bảo đảm đủ về diên tích, an toàn cho học sinh học tập và vui chơi; thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện

chương trình dạy học hiện nay, 100% phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu (ti vi), phục vụ tốt cho nhiệm vụ đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của giáo viên.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2026 – 2027

Chủ đề năm học: **"Đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất".**

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) từ lớp 1 đến lớp 5;

Tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới đánh giá học sinh; tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, kĩ năng công dân số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, đảm bảo 100% học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5 được học môn Tiếng Anh và Tin học theo CTGDPT 2018.

Tiếp tục tham mưu cho UBND xã Nâm Nung đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho hoạt động dạy và học trong nhà trường, hướng tới mục tiêu đạt chuẩn mức độ 2 về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục. Huy động các nguồn lực từ phụ huynh học sinh, các mạnh thường quân trang bị hệ thống trang thiết bị dạy học, xây dựng khuôn viên trường, lớp học khang trang, hiện đại.

Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ theo thẩm quyền; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1.Chất lượng giáo dục

- Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu sau:

+ Hoàn thành xuất sắc: 20% trở lên;

+ Hoàn thành tốt: 25% trở lên;

+ Hoàn thành: 53% trở lên;

+ Chưa HT riêng lớp 1 dưới: 10 %; lớp 2, lớp 3 và lớp 4: dưới 2 %;

- Đối với lớp lớp 5: Học sinh HTCTTH đạt 100%.

- 100% học sinh được đánh giá toàn diện về năng lực, phẩm chất, chú trọng việc đánh giá các năng lực đặc thù.

- Phấn đấu nâng tỷ lệ học sinh toàn trường HTCT lớp học đạt 98% (gồm cả học sinh kiểm tra lại sau bồi dưỡng trong hè); chưa hoàn thành: dưới 2%. Riêng đối với lớp 1, học sinh HTCT lớp học đạt từ 92% trở lên; khối 2, 3, 4 hoàn thành 98%, khối 5 hoàn thành 100%.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển năng lực số (theo 6 miền năng lực), kĩ năng công dân số.

Trên 90% trở lên học các lớp 1, 2, 3 đạt khung năng lực cơ bản 1;

95% trở lên học sinh lớp 4, 5 được đánh giá đạt khung năng lực cơ bản 2 (theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025).

- Duy trì sĩ số: 98% trở lên.

- 35- 45% số học sinh trong nhà trường tham gia học bơi và biết bơi.

2.2. Đánh giá, xếp loại cuối năm đối với viên chức, người lao động

-100 % giáo viên được tham gia đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông xếp loại tốt 63/63 đồng chí đạt tỷ lệ 100%.

- CB, GV, NV xếp loại cuối năm theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 và Nghị 48/2023/NĐ-CP ngày 17/07/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nội vụ, về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 14/67 đồng chí đạt 20,89 %; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 53/67 đồng chí đạt 79,11%; HTNV: 0 đồng chí chiếm tỷ lệ 0 %.

- ĐTN, Liên đội: HTXSNV.

- Đối với tập thể: Tập thể xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2.3. Thi đua khen thưởng

- Học sinh: Học sinh được khen thưởng cuối năm học đạt từ 45% trở lên; khen đột xuất nếu học sinh có thành tích nổi bật trong các phong trào.

- Đối với CB, GV, NV: 90 % trở lên được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến; 14 đ/c đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên, trong đó 1 - 2 đồng chí đạt chiến thi đua cấp tỉnh hoặc bằng khen của UBND tỉnh.

- Đối với tập thể: Tập thể đạt Tập thể Lao động xuất sắc.

2.4. Tổ chức và tham gia các phong trào dành cho giáo viên và học sinh:

Tổ chức hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi. Hội thi "giao lưu Tiếng việt của chúng em". Hội thi "tiết đọc thư viện" cấp trường và tham gia cấp tỉnh.

Tổ chức hội khỏe phù đổng cấp trường.

Thực hiện hoạt động giáo dục STEM: Mỗi giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục STEM, thông qua dạy học tích hợp nội môn hoặc liên môn, số lần tổ chức bài học STEM tối thiểu 1-2 bài học/năm học/lớp.

Trước khi giáo viên thực hiện đăng ký về chuyên môn để nhà trường tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện của giáo viên. Riêng khối 1 thực hiện dạy trong khối 1-2 tiết/năm học.

Tham gia đầy đủ, có chất lượng các Hội thi, sân chơi học tập cho học sinh do cấp trên tổ chức.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Phụ lục 1.1 kèm theo)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

a) Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(Phụ lục 1.2 kèm theo)

b) Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

(Phụ lục 1.3 kèm theo)

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với phân hiệu, điểm trường 1,2

Trường Tiểu học Kim Đồng có 2 điểm trưởng và 1 phân hiệu, các điểm trường cách trường chính khoảng 4 - 8 km; điểm trường 1 đóng trên địa bàn thôn Quảng Hà, số học sinh tại điểm trường là 255 em, chia thành 10 lớp (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5). Phân hiệu đóng trên địa bàn thôn Nam Ninh, số học sinh tại phân hiệu là 149 em, chia thành 5 lớp (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5). Điểm trường 2 đóng trên địa bàn thôn Nam Ninh, số học sinh tại điểm trường 2, là 175 em, chia thành 6 lớp (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5).

Nhà trường triển khai đồng bộ kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027, bảo đảm công bằng trong tiếp cận các điều kiện giáo dục đối với học sinh ở phân hiệu và điểm trường.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục

Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Hướng dẫn số 4639/SGDĐT-GDTH ngày 5 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng, về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2026- 2027;

Ngày tựu trường: Khối 1, ngày 24 tháng 8 năm 2026, khối 2-5, ngày 27 tháng 8 năm 2026.

Ngày khai giảng: Ngày 05/9/2026

Học kỳ I: Từ ngày 7/9/2026 đến trước ngày 8/01/2027, trong đó có 18 tuần thực học.

Học kỳ II: Từ ngày 18/01/2027 hoàn thành kế hoạch giáo dục, gồm 17 tuần thực học và kết thúc năm học trước ngày 31/05/2027.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các khối lớp, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút, giao giữa các tiết không quá 5 phút, khối 1 học 8 buổi/tuần, khối 2-5 học 9 buổi/ tuần. Đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tham gia một cách phù hợp, không gây quá tải cho giáo viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, xây dựng nhân cách và trách nhiệm công dân,…

- Thời gian học trong ngày:

Thời gian			**Hoạt động**
	Tiết	**Thời gian**	
Buổi sáng		7h15 – 7h30	- Múa hát sân trường; - Sinh hoạt 15 phút đầu giờ
	1	7h30 – 8h10	Học theo TKB
	2	8h10 – 8h50	Học theo TKB
		8h50 – 9h10	Ra chơi
	3	9h10 – 9h50	Học theo TKB
	4	9h50 – 10h30	Học theo TKB
Buổi chiều		13h45 – 14h00	Sinh hoạt 15 phút đầu giờ
	1	14h00 – 14h40	Học theo TKB
	2	14h40 – 15h20	Học theo TKB
		15h15 – 15h45	Ra chơi
	3	15h45 – 16h25	Học theo TKB

- Thời gian thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027 cụ thể đối với từng khối lớp như sau:

(Phụ lục 1.4 kèm theo)

V. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học định kỳ.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch tổ chuyên môn phù hợp điều kiện địa phương.
- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo thông tư số 27/2020/TT-BGD ĐT, áp dụng và thực hiện học bạ điện tử.
- Nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh, Tin học, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường và cuộc thi Tin học.

2. Đổi mới phương pháp dạy học

- Khuyến khích dạy học tích cực, thảo luận nhóm, dạy học dự án, dạy học phân hóa.

- Tổ chức 3 - 4 chuyên đề đổi mới phương pháp/năm học cấp trường.

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm theo chủ đề: tham quan, học ngoài lớp, gắn kiến thức với thực tiễn.

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống vào bài học.

3. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

- 100% giáo viên sử dụng hồ sơ điện tử và học bạ điện tử.

- Tổ chức ít nhất 2 buổi tập huấn CNTT/năm cho giáo viên.

- Xây dựng thư viện số và kho học liệu điện tử dùng chung; khuyến khích học sinh đọc sách, tra cứu trên phần mềm thư viên số.

- Kết hợp dạy học trực tuyến khi cần thiết (giao bài tập bồi dưỡng, hỗ trợ học sinh học tập ở nhà,…).

4. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn

- Rà soát, nâng cấp cơ sở vật chất, bảo đảm an toàn PCCC, điện nước, thiết bị dạy học. Tổ chức chuyên đề giáo dục an toàn giao thông, an toàn mạng, phòng chống xâm hại. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, đảm bảo công tác y tế học đường.

- Phối hợp với phụ huynh và chính quyền địa phương trong quản lý, bảo vệ học sinh. Triển khai văn hóa ứng xử thân thiện, tôn trọng, lắng nghe trong nhà trường.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2026 – 2027 gửi đến toàn thể CBQL, GV, NV thảo luận và thông qua hội viên chức và người lao động trước khi triển khai thực hiện.

Triển khai đầy đủ nội dung kế hoạch đến toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường; Quản lý, chỉ đạo chung và toàn diện các hoạt động của nhà trường theo các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng.

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch, kịp thời điều chỉnh, tư vấn để bám sát và thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí đã xây dựng trong kế hoạch năm học.

Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch.

2. Phó Hiệu trưởng

Giúp Hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn; công tác Phổ cập giáo dục tiểu học, phát triển cơ sở vật chất, lập kế hoạch năm học và kế hoạch đầu việc trong phạm vi công việc phụ trách.

Hướng dẫn thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn, tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

Xây dựng chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tư vấn chuyên môn cấp trường; tham mưu, tăng cường cơ sở vật chất cho dạy và học đảm bảo theo chuẩn quy định.

Kịp thời phản ánh với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp và hiệu quả.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng

Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ theo năm, tháng, tuần (bao gồm kế hoạch khung thời gian và các kế hoạch đầu việc được BGH giao phụ trách);

Hướng dẫn giáo viên (nhân viên) lập kế hoạch cá nhân (kế hoạch giáo dục và các hoạt động chuyên môn);

Trình hiệu trưởng nhà trường phê duyệt kế hoạch của tổ; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong phạm vi của tổ mình phụ trách.

Giám sát và tư vấn cho giáo viên thực hiện các hoạt động chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã xây dựng.

4. Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội

Kết hợp với các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp;

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề.

Phát động, tổ chức các phong trào thi đua của Liên đội, các Chi đội và Sao Nhi đồng;

Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm

Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, của tổ, xây dựng Kế hoạch dạy học và kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục được hiệu trưởng và tổ trưởng phân công (bao gồm kế hoạch năm, học kỳ, tháng, chủ đề, tuần);

Kế hoạch của mỗi cá nhân phải được xây dựng dựa trên chỉ tiêu chung của toàn trường; đảm bảo tính đồng bộ, liên thông với kế hoạch chung của nhà trường và phù hợp với tình hình học sinh của lớp học.

Trình tổ trưởng, hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch; chủ động điều chỉnh kế hoạch sau khi thống nhất với tổ trưởng tổ chuyên.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Xây dựng kế hoạch dạy học môn học được phân công giảng day; thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ; phát hiện, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu bộ môn mình phụ trách.

Thường xuyên nghiên cứu tài liệu, học liệu phục vụ công tác chuyên môn; rà soát các nội dung bài dạy (có thể điều chỉnh nội dung trong kế hoạch bài dạy để phù hợp với đối tường học sinh)

7. Nhân viên thư viện-thiết bị

Xây dựng các kế hoạch hoạt động của thư viện, lịch mở cửa thư viện đảm bảo thuân lợi cho bạn đọc đến với thư viện; triển khai đưa sách về điểm trường 1 và điểm trường 2 mỗi tuần 02 lần vào chiều thứ 3 và chiều thứ 6.

Quản lý, sắp xếp sách, truyện, tài liệu trong thư viện khoa học, gọn gàng.

Phối hợp với các tổ chuyên môn tham mưu cho hiệu trưởng nhà trường về việc bổ sung các sách, truyện phục vụ bạn đọc.

Quản lý, sắp xếp thiết bị khoa học, gọn gằng; tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên khi có nhu cầu sử dụng thiết bị; phối hợp với các tổ chuyên môn rà soát lập danh mục mua sắm bổ sung thiết bị dạy học còn thiếu theo nhu cầu.

Trên đây là Kế hoạch Giáo dục năm học 2026 - 2027 của Trường Tiểu học Kim Đồng. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nhiệm vụ mới sẽ có điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Phòng VHXH xã Nâm Nung (B/c);
- Chi bộ (lãnh đạo);
- HT, PHT (chỉ đạo);
- TCM, GV, NV (thực hiện);
- Lưu VT, HSCM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Chung

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	**420**	216	204	**350**	180	170	**245**	126	119	**245**	126	119	**245**	126	119
2	Toán	**105**	54	51	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85	**175**	90	85
3	Đạo đức	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
4	TNXH (K1;2;3)	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34						
5	Giáo dục thể chất	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34
6	Nghệ thuật (ÂN)	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
7	Nghệ thuật (MT)	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
8	HĐTN	**105**	54	51	**105**	54	51	**105**	54	51	**105**	54	51	**105**	54	51
9	Tin học&công nghệ							**70**	36	34	**70**	36	34	**70**	36	34
10	Ngoại ngữ 1							**140**	72	68	**140**	72	68	**140**	72	68
11	Khoa học (K4;5)										**70**	36	34	**70**	36	34
12	LS, ĐL (K4; 5)										**70**	36	34	**70**	36	34
2. Môn học tự chọn																
	Tiếng Anh															
3. Hoạt động củng cố, tăng cường																
	Đọc sách, T. cường	**140**	72	68	**140**	72	68	**210**	108	102	**140**	72	68	**140**	72	68
	SHĐ, SNĐ	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17	**35**	18	17
Tổng số tiết		**1050**	**540**	**510**	**1050**	**540**	**510**	**1225**	**630**	**595**	**1225**	**630**	**595**	**1225**	**630**	**595**

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học 2026 – 2027

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	**Em và mái trường mến yêu**	- Giáo dục truyền thống nhà trường; - Tham gia tích cực các hoạt động lễ khai giảng, đầu năm học; - Tuyền truyền phòng, chống đuối nước	Sinh hoạt dưới cờ, Các tiết HĐTN, hoạt động tập thể	7/9/2026 Đến 30/9/2026	Toàn thể CBQL-GV-NV-HS	Khuyến khích phụ huynh tham gia
Tháng 10	**Vì một cuộc sống an toàn**	- Thực hiện tốt các quy tắc tham gia giao thông an toàn - Tham gia đầy đủ các hoạt động của trường , lớp về ATGT... - Hoạt động trải nghiệm "Đêm hội trăng rằm" - Hoạt động trải nghiệm: Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	- Sinh hoạt dưới cờ, Các tiết HĐTN, hoạt động tập thể, dạy tích hợp, lồng ghép GDATGT. - Ký cam kết về thực hiện ATGT; - HĐTN HS làm thiệp tặng cô, bà, mẹ.	1/10/2026 Đến 31/10/2026	Toàn thể CBGV-NV- HS	Phối hợp với CA xã
Tháng 11	**Kính yêu thầy cô, thân thiện bạn bè**	- Thể hiện được một số việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy cô. Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của thầy cô, bạn bè..	- Hoạt động trải nghiệm: - Sinh hoạt dưới cờ, Các tiết HĐTN, hoạt động tập thể.... - Giao lưu văn nghệ,	1/11/2026 Đến 30/11/2026	Toàn thể CBGV-NV- HS	Ban đại diện HCMHS
Tháng	**Truyền**	- Giáo dục các em lòng biết ơn và tôn	- Sinh hoạt dưới cờ,	1/12/2026		Ban đại

12	**thống quê em**	trọng những đóng góp và sự hy sinh của các Anh hùng dân tộc... - Hoạt động trải nghiệm: Biết ơn anh bộ đội cụ Hồ	thông qua các buổi SHTT, dạy học lồng ghép, tích hợp thông qua bài học,... - Viếng nghĩa trang liệt sỹ + Tìm hiểu về ngày Thành lập QĐNDVN	Đến 31/12/2026	Toàn thể CBGV-NV- HS	diện HCMHS, ban ngành, đoàn thể địa phương (Hội cựu chiến binh,..)
Tháng 1	**Chào năm mới**	- Tham gia các hoạt động chào mừng năm mới của trường, lớp, như các hoạt động TDTT, văn nghệ, Hội chợ xuân. - Trải nghiệm ngoài nhà trường "Tìm hiểu di tích lịch sử quê hương em B4" - Hoạt động trải nghiệm: Vui Tết an toàn	- Sinh hoạt dưới cờ, thông qua tiết học HĐTN các buổi SHTT, giáo dục ứng xử có văn hóa, biết thương yêu chia sẻ khó khăn; - Trang trí lớp học chào năm mới	1/1/2026 Đến 30/1/2026	Toàn thể CBGV-NV- HS	Ban đại diện HCMHS
Tháng 2	**Chăm sóc và phục vụ bản thân**	- Tự thực hiện được một số công việc nhà phù hợp, thực hiện tốt việc tự chăm sóc và phục vụ bản thân.	Sinh hoạt dưới cờ, thông qua tiết HĐTN, SHTT, dạy lồng ghép, tích hợp thông qua bài học,.	1/2/2027 Đến 28/2/2027	Toàn thể CBGV-NV- HS	Ban đại diện HCMHS
Tháng 3	**Yêu thương gia đình Quý trọng phụ nữ**	- Thực hiện một số việc làm phù hợp với lứa tuổi, thể hiện sự quan tâm chăm sóc, biết ơn đến các thành viên trong gia đình. - Thực hiện được một số việc làm thể	Sinh hoạt dưới cờ, thông qua tiết học HĐTN các buổi SHTT, dạy học lồng ghép, tích hợp thông	01/03/2027 đến 31/3/2027	Toàn thể CBGV-NV- HS	Các đoàn thể tại thôn, buôn, xã,…

		hiện quý trọng phụ nữ	qua các môn học.			
Tháng 4	**Môi trường xanh Cuộc sống xanh**	- Giới tiệu với bạn bè, người thân về vẽ đẹp của địa phương. - Thực hiện được một số việc làm để chăm sóc, BV cảnh quan. - Hoạt động trải nghiệm: Ngày Hội đọc sách - Tổ chức ngày hội STEM	Sinh hoạt dưới cờ, thông qua tiết học HĐTN các buổi SHTT, dạy học lồng ghép, tích hợp thông qua các môn học. Trưng bày sản phẩm STEM	01/04/2027 đến 30/4/2027	Toàn thể CBGV-NV- HS	Ban đại diện HCMHS, Phòng VHXH,…
Tháng 5	**Những người sống quanh em**	- Giáo dục HS biết yêu quý và học tập làm theo Bác Hồ. - Hoạt động trải nghiệm: Thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	- Sinh hoạt dưới cờ, HĐTN, hoạt động tập thể.... - Thi kể chuyện	01/5/2027 đến 26/5/2027	Toàn thể CBGV-NV- HS	

Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Vui chơi tự do trong khuôn viên nhà trường (Rèn luyện thể lực)	Trò chơi, đá bóng, cầu lông , bóng rổ, nhảy dây, học bơi	HS/ theo nhóm, theo đội, theo lớp.	Sau buổi học	Tại trường Sân trường Nhà đa chức năng	
2	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề và các hoạt động chào mừng các ngày lễ trong năm học	Văn nghệ, các Hội thi, sân khấu hóa	HS/ theo nhóm, theo đội, theo lớp.	Theo chủ đề và các ngày lễ trong năm học	Tại trường, lớp học	

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2026 - 2027 đối với khối lớp 1
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	CH. CỜ	GDTC	T. VIỆT	M. THUẬT	Â. NHẠC	Nếu trong tuần có ngày lễ trùng các thứ trong tuần sẽ dạy bù vào thứ 7 của tuần đó
	2	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	GDTC	T. VIỆT	
	3	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	
	4	Đ. ĐỨC	T. cường	TNXH	T. VIỆT	T. VIỆT	
Chiều	5	TOÁN	TOÁN		TOÁN	SH SAO	
	6	HĐTN	TNXH		ĐỌC SÁCH		
	7	T. Cường	T. cường		SHL		
Tổng số tiết/ tuần		**30**					

TỔNG HỢP

TT	NỘI DUNG	Số lượng tiết học	
1	Tiếng Việt	12 tiết/ tuần	

2	Toán	3 tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	TNX HỘI	2 tiết/ tuần	
5	GDT CHẤT	2 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (ÂN)	1 tiết/ tuần	
7	Nghệ thuật (MT)	1 tiết/ tuần	
8	HĐT nghiệm - Hoạt động tập thể CC, SHL	3 tiết/ tuần	
9	Môn học tự chọn (T. Anh)	0 tiết/ tuần	
10	Đọc sách, tăng cường	4 tiết/ tuần	
11	SH Sao NĐ	1 tiết/ tuần	
12	Hoạt động theo nhu cầu người học	0	
13	Sinh hoạt chuyên môn		SH tổ CM 2 lần/ tháng
14	Tổng số tiết học kỳ I	**540**	
15	Tổng số tiết học kỳ II	**510**	
16	Tổng số tiết năm học	**1050**	

Phụ lục 1.4.Thời gian tổ chức các HĐGD theo tuần/ tháng trong NH và số lượng tiết học các môn học, HĐGD thực hiện theo tuần NH 2026-2027 đối với khối 2

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	CHÀO CỜ	Â. NHẠC	TOÁN	TOÁN	TOÁN	Nếu trong tuần có ngày lễ trùng các thứ trong tuần sẽ dạy bù vào thứ 7 của tuần đó
	2	T. VIỆT	TOÁN	Đ. ĐỨC	GDTC	T. VIỆT	
	3	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	*T. cường*	
	4	HĐTNgh	T. VIỆT	T. VIỆT	M. THUẬT	SHL	
Chiều	5	TOÁN	GDTC		T. VIỆT	SH SAO	
	6	*T. cường*	TNXH		T. VIỆT		
	7	TNXH	ĐỌC SÁCH		*T. cường*		
Tổng số tiết/ tuần		**30**					

TỔNG HỢP

TT	NỘI DUNG	Số lượng tiết học	
1	Tiếng Việt	10 tiết/ tuần	
2	Toán	5 tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	TNX HỘI	2 tiết/ tuần	
5	GDT CHẤT	2 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (ÂN)	1 tiết/ tuần	
7	Nghệ thuật (MT)	1 tiết/ tuần	
8	HĐT nghiệm	3 tiết/ tuần	
9	Đọc sách, tăng cường	4 tiết/ tuần	
10	SH Sao NĐ	1 tiết/ tuần	

11	Hoạt động theo nhu cầu người học	0	
12	Sinh hoạt chuyên môn		SH tổ CM 2 lần/ tháng
13	Tổng số tiết học kỳ I	**540**	
14	Tổng số tiết học kỳ II	**510**	
15	Tổng số tiết năm học	**1050**	

Phụ lục 1.4.Thời gian tổ chức các HĐGD theo tuần/ tháng trong NH và số lượng tiết học các môn học, HĐGD thực hiện theo tuần NH 2026-2027 đối với khối 3

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	CHÀO CỜ	Đ. ĐỨC	TOÁN	TOÁN	TOÁN	Nếu trong tuần có ngày lễ trùng các thứ trong tuần sẽ dạy bù vào thứ 7 của tuần đó
	2	TOÁN	*T. cường*	TNXH	T. VIỆT	T. VIỆT	
	3	T. VIỆT	GDTC	*T. cường*	ĐỌC SÁCH	T. ANH	
	4	T. VIỆT	TNXH	***TIN-CN***	T. ANH	HĐTNgh	
Chiều	5	T. ANH	T. ANH	T. VIỆT	GDTC	T. VIỆT	
	6	TIN-CN	TOÁN	*T. cường*	T. VIỆT	*T. cường*	
	7	M. THUẬT	*T. cường*	SH ĐỘI	Â. NHẠC	SHL	
Tổng số tiết/ tuần		**35**					

TỔNG HỢP

TT	NỘI DUNG	Số lượng tiết học	
1	Tiếng Việt	7 tiết/ tuần	
2	Toán	5 tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	GDTC	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật (ÂN)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (MT)	1 tiết/ tuần	
7	TNXH	2 tiết/ tuần	
8	Tin học và công nghệ	2 tiết/ tuần	
9	HĐTN	3 tiết/ tuần	
10	Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)	4 tiết/ tuần	
11	Đọc sách, củng cố tăng cường	6 tiết/ tuần	

12	SH Sao Đội NĐ	1 tiết/ tuần	
13	Hoạt động theo nhu cầu người học	0	
14	Sinh hoạt chuyên môn		SH tổ CM 2 lần/ tháng
15	Tổng số tiết học kỳ I	**630**	
16	Tổng số tiết học kỳ II	**595**	
17	Tổng số tiết năm học	**1225**	

Phụ lục 1.4.Thời gian tổ chức các HĐGD theo tuần/ tháng trong NH và số lượng tiết học các môn học, HĐGD thực hiện theo tuần NH 2026-2027 đối với khối 4

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	CHÀO CỜ	TOÁN	TOÁN	TOÁN	TOÁN	Nếu trong tuần có ngày lễ trùng các thứ trong tuần sẽ dạy bù vào thứ 7 của tuần đó
	2	GDTC	KHOA	T. VIỆT	KHOA	T. VIỆT	
	3	TOÁN	ANH	ANH	ANH	Đ. ĐỨC	
	4	ANH	TIN -CN	T. VIỆT	Â. NHẠC	***TIN -CN***	
Chiều	5	T. VIỆT	T. VIỆT	*T. cường*	T. VIỆT	M. THUẬT	
	6	SỬ ĐỊA	*T. cường*	T. VIỆT	*T. cường*	GDTC	
	7	HĐTN	ĐỌC SÁCH	SH ĐỘI	SỬ ĐỊA	SHL	
Tổng số tiết/ tuần		**35**					

TỔNG HỢP

TT	NỘI DUNG	Số lượng tiết học	
1	Tiếng Việt	7 tiết/ tuần	
2	Toán	5 tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	GDTC	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật (ÂN)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (MT)	1 tiết/ tuần	
7	Khoa học	2 tiết/ tuần	
8	Lịch sử & Địa lý	2 tiết/ tuần	
9	Tin học và công nghệ	2 tiết/ tuần	
10	HĐTN	3 tiết/ tuần	

11	T. Anh	4 tiết/ tuần	
12	Đọc sách, củng cố tăng cường	4 tiết/ tuần	
13	SH Sao Đội NĐ	1 tiết/ tuần	
14	Hoạt động theo nhu cầu người học	0	
15	Sinh hoạt chuyên môn		SH tổ CM 2 lần/ tháng
16	Tổng số tiết học kỳ I	**630**	
17	Tổng số tiết học kỳ II	**595**	
18	Tổng số tiết năm học	**1225**	

Phụ lục 1.4.Thời gian tổ chức các HĐGD theo tuần/ tháng trong NH và số lượng tiết học các môn học, HĐGD thực hiện theo tuần NH 2026-2027 đối với khối 5

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-THKĐ ngày 5/9/2026 của Trường Tiểu học Kim Đồng)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	CHÀO CỜ	TOÁN	TOÁN	ANH	GDTC	Nếu trong tuần có ngày lễ trùng các thứ trong tuần sẽ dạy bù vào thứ 7 của tuần đó
	2	*M. THUẬT*	KHOA	KHOA	***TIN-CN***	TOÁN	
	3	TOÁN	ANH	*T. cường*	TOÁN	ĐỌC SÁCH	
	4	T. VIỆT	***TIN-CN***	ANH	SỬ ĐỊA	Đ. ĐỨC	
Chiều	5	ANH	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	T. VIỆT	
	6	GDTC	T. VIỆT	*T. cường*	T. VIỆT	*T. cường*	
	7	Â. NHẠC	SỬ ĐỊA	SH ĐỘI	HĐTN	SHL	
Tổng số tiết/ tuần		**35**					

TỔNG HỢP

TT	NỘI DUNG	Số lượng tiết học	
1	Tiếng Việt	7 tiết/ tuần	
2	Toán	5 tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	GDTC	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật (ÂN)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (MT)	1 tiết/ tuần	
7	Khoa học	2 tiết/ tuần	
8	Lịch sử & Địa lý	2 tiết/ tuần	
9	Tin học và công nghệ	2 tiết/ tuần	
10	HĐTN	3 tiết/ tuần	
11	T. Anh	4 tiết/ tuần	

12	Đọc sách, củng cố tăng cường	4 tiết/ tuần	
	SH Sao Đội NĐ	1 tiết/ tuần	
13	Hoạt động theo nhu cầu người học	0	
15	Sinh hoạt chuyên môn		SH tổ CM 2 lần/ tháng
15	Tổng số tiết học kỳ I	**630**	
16	Tổng số tiết học kỳ II	**595**	
	Tổng số tiết năm học	**1225**	